

TÍCH HỢP DẠY PHÁT ÂM THEO NGỮ CẢNH VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG NGHE HIỂU TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG VIỆT (QUA TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU TẠI ĐẠI HỌC COLUMBIA)

NGUYỄN PHƯƠNG CHUNG*

Abstract: Listening comprehension remains a core challenge in learning Vietnamese, a tonal language with complex vowel clusters. Drawing on over 20 years of teaching experience, the author develops pronunciation-focused listening materials for elementary learners, addressing gaps that classroom time alone cannot fill. Based on a four-year pilot in the First-Year Vietnamese Course at Columbia University, the study tracks students' pronunciation and listening gains into the second year. Findings highlight the value of integrating pronunciation training with listening instruction to enhance proficiency and support self-directed learning, offering a holistic model for modern Vietnamese language education.

Keywords: *Vietnamese language, teaching pronunciation, listening comprehension.*

1. Đặt vấn đề

Trong bốn kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ, nghe thường được xem là kỹ năng giữ vai trò then chốt trong việc tiếp nhận và xử lý thông tin. Nhiều nghiên cứu về giao tiếp cho thấy người trưởng thành có thể dành tới 45% thời gian giao tiếp hằng ngày cho hoạt động nghe, cao hơn bất kỳ kỹ năng nào khác. Trong dạy - học ngoại ngữ, Field nhấn mạnh rằng nghe là kênh tiếp nhận ngôn ngữ chủ yếu của người học và đóng vai trò nền tảng cho việc hình thành năng lực ngôn ngữ toàn diện [9, tr.12-14]. Tuy nhiên, việc dạy kỹ năng nghe lại thường được coi là một hoạt động kiểm tra mức độ hiểu, thay vì được xem như một kỹ năng cần được huấn luyện chiến lược [9, tr.15-18].

Sự phức tạp của kỹ năng nghe nằm ở chỗ người học phải đồng thời xử lý nhiều tầng thông tin: tri giác âm thanh, nhận diện đơn vị từ vựng, dự đoán ngữ nghĩa và liên kết ngữ cảnh. Theo Anderson, quá trình nghe hiểu bao gồm cả xử lý từ dưới lên (bottom-up) - tập trung vào đặc điểm âm thanh, từ và cấu trúc - và xử lý từ trên xuống (top-down) - dựa vào kiến thức nền và suy luận ngữ cảnh [4, tr.67-70]. Goh và Vandergrift cũng chỉ ra vai trò quan trọng của năng lực siêu nhận thức trong việc lập kế hoạch, giám sát và tự đánh giá chiến lược nghe, giúp người học trở thành những “người nghe chiến lược” [21, tr.180-185].

Đối với một ngôn ngữ có thanh điệu như tiếng Việt, thì kỹ năng nghe hiểu là thử thách lớn, đặc biệt đối với người học nói tiếng Anh là ngôn ngữ thứ nhất. Trong hơn 20 năm giảng dạy, tác giả nhận thấy rằng nhiều sinh viên gặp trở ngại trong việc phân biệt thanh điệu, các cặp vần dễ nhầm lẫn, hoặc không nắm bắt được lời nói tự nhiên trong hội thoại, dẫn đến hạn chế trong giao tiếp. Một số sinh viên thậm chí cảm thấy nản lòng hoặc e ngại việc sử dụng tiếng Việt do thiếu phương pháp học phù hợp hoặc thiếu tài liệu rèn luyện nghe - phát âm hiệu quả.

Từ những vấn đề thực tiễn này, tác giả triển khai dự án “Ứng dụng phương pháp tích hợp phát âm - nghe hiểu theo tinh hướng giao tiếp cho trình độ Sơ cấp”. Nghiên cứu không chỉ nhấn mạnh tính cấp thiết của việc thiết kế tài liệu phát âm - nghe hiểu theo hướng giao tiếp - ngữ cảnh mà còn trình bày kết quả của một giai đoạn thí điểm kéo dài năm học 2019/2020 – 2024/2025 dành cho sinh viên tiếng Việt năm thứ nhất (trình độ sơ cấp). Đồng thời, nghiên cứu cũng đánh giá lại năng lực

* Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Đông Á, Đại học Columbia, Hoa Kỳ; Email: cn2496@columbia.edu

phát âm và nghe hiểu của sinh viên năm thứ hai (trình độ trung cấp) thuộc Chương trình Việt ngữ, Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Đông Á, Đại học Columbia, nhằm xem xét mức độ tác động của mô hình giảng dạy đối với sự phát triển kỹ năng của người học.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Đặc điểm ngôn ngữ

Tiếng Việt là một ngôn ngữ đơn lập và đơn âm tiết, trong đó mỗi từ thường chỉ gồm một âm tiết mang nghĩa trọn vẹn [18, tr.763-770]; [1, tr.15-18]). Đây cũng là một ngôn ngữ có thanh điệu, với sáu thanh ở phương ngữ Bắc và năm thanh ở phương ngữ Nam; sự thay đổi thanh điệu dẫn đến sự thay đổi nghĩa của từ [14, tr.381-383].

Về mặt chữ viết, tiếng Việt sử dụng hệ thống chữ quốc ngữ dựa trên bảng chữ cái La-tinh, bổ sung các dấu thanh và kí tự đặc biệt để biểu thị những âm vị không tồn tại trong các ngôn ngữ Roman [3, tr.1-3]. Bên cạnh hệ thống thanh điệu, cấu trúc âm tiết của tiếng Việt bao gồm sự kết hợp giữa âm đầu (phụ âm đầu), âm chính (nguyên âm hoặc tổ hợp nguyên âm) và âm cuối (phụ âm cuối), hay còn gọi là **vần** [2, tr.35-50]. Tiếng Việt có khoảng 130 vần cơ bản, trong đó nhiều cặp vần khó phân biệt đối với người học tiếng mẹ đẻ là tiếng Anh, chẳng hạn *ai/ay*, *au/ao*, hoặc sự khác biệt giữa các âm cuối -*ng* và -*n*, -*c* và -*t*, -*p* và -*m* [5, tr.80-82].

Ngoài ra, sự tồn tại của các phương ngữ vùng miền, đặc biệt là khác biệt giữa phương ngữ Bắc, Trung và Nam, cũng là một thách thức trong giảng dạy và học tập tiếng Việt như ngoại ngữ [15, tr.1-5].

2.2. Phương pháp dạy phát âm và nghe hiểu

Việc giảng dạy kỹ năng nghe hiểu trong bối cảnh ngôn ngữ thứ hai đòi hỏi một nền tảng lý thuyết vững chắc, xuất phát từ tâm lý học nhận thức và ngôn ngữ học ứng dụng. Trong đó, các mô hình xử lý thông tin và lý thuyết siêu nhận thức (metacognition) đóng vai trò trung tâm trong việc thiết kế nội dung và phương pháp giảng dạy.

Một trong những mô hình nền tảng về xử lý nghe là mô hình phân biệt giữa hai hướng xử lý: từ dưới lên (bottom-up processing) và từ trên xuống (top-down processing), được Anderson mô tả như hai quá trình song hành [4, tr.12-20]. Trong khi xử lý bottom-up là quá trình nhận diện các tín hiệu âm thanh rời rạc như âm vị, từ, cụm từ và cú pháp - những yếu tố mang tính tuyến tính và dựa trên dữ liệu âm thanh đầu vào - thì xử lý top-down lại dựa vào kiến thức nền, bối cảnh giao tiếp, kì vọng và mục tiêu của người nghe để xây dựng và điều chỉnh ý nghĩa. Hai quá trình này không diễn ra một cách tách biệt, mà được kích hoạt linh hoạt tùy theo mức độ khó của văn bản nghe, năng lực của người học và tình huống giao tiếp cụ thể [9, tr.26-28; 124-125].

Bên cạnh đó, mô hình siêu nhận thức trong dạy nghe - được Flavell [10, tr.231-233] đặt nền móng và sau này được phát triển bởi Goh và Vandergrift [12, tr.179 -197] - nhấn mạnh rằng người học hiệu quả là người biết lập kế hoạch, theo dõi và đánh giá quá trình hiểu của chính mình. Nói cách khác, siêu nhận thức là khả năng “suy nghĩ về việc nghe” (thinking about listening), giúp người học đưa ra chiến lược phù hợp để đạt được mục tiêu giao tiếp. Các chiến lược này bao gồm: dự đoán nội dung, kiểm tra giả thuyết khi nghe, sửa lỗi hiểu sai, ghi chú có chọn lọc, và phản hồi sau khi nghe. Khả năng sử dụng linh hoạt các chiến lược siêu nhận thức không chỉ cải thiện hiệu quả nghe hiểu mà còn giúp người học kiểm soát tiến trình học tập của mình một cách chủ động hơn.

Trên cơ sở đó, Vandergrift & Goh [21, tr.55-78] đề xuất khung giảng dạy kỹ năng nghe theo tiến trình ba bước: **trước khi nghe (pre-listening)**, **trong khi nghe (while-listening)** và **sau khi nghe (post-listening)**. Mỗi giai đoạn được thiết kế nhằm phát huy tối đa sự tương tác giữa dữ liệu âm thanh và kiến thức nền của người học, đồng thời rèn luyện các chiến lược điều chỉnh và tự đánh giá. Cụ thể:

- **Giai đoạn trước khi nghe (Pre-listening):** giúp người học kích hoạt kiến thức nền, thiết lập mục tiêu nghe và dự đoán nội dung.
- **Giai đoạn trong khi nghe (While-listening):** tập trung vào việc lắng nghe có chiến lược, bao gồm nhận diện từ khóa, theo dõi thông tin, xác minh dự đoán và ghi chú.
- **Giai đoạn sau khi nghe (Post-listening):** cho phép người học phản ánh, kiểm tra mức độ hiểu, thảo luận nội dung, và kết nối với kỹ năng khác như nói và viết.

Việc dạy kỹ năng nghe cho người mới bắt đầu cũng không thể tách rời khỏi yếu tố ngữ âm và phát âm. Như đã được chỉ ra bởi Celce-Murcia, Brinton & Goodwin [7, tr.1-12], phát âm không chỉ là kỹ năng sản xuất âm thanh, mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng nghe hiểu. Đặc biệt trong tiếng Việt - một ngôn ngữ thanh điệu và giàu hiện tượng đồng âm - nếu người học không phân biệt được các đặc điểm âm vị như độ dài, thanh điệu, âm cuối, thì họ sẽ gặp khó khăn trong việc nhận diện từ và hiểu nghĩa khi nghe. Do đó, phát âm nên được tích hợp trong các bài học nghe ngay từ giai đoạn sơ cấp, thay vì tách rời thành một kỹ năng riêng biệt.

Việc tích hợp phát âm vào dạy nghe cũng phù hợp với lý thuyết về xử lý nhận thức trong tiếp nhận ngôn ngữ. Theo mô hình của Cutler et.al. [8, tr.109-112], việc người học phân tích và xử lý âm thanh (speech perception) phụ thuộc vào khả năng đối chiếu giữa tín hiệu âm thanh đầu vào với các đơn vị ngôn ngữ đã có trong bộ nhớ. Nếu người học thiếu kinh nghiệm xử lý âm thanh tiếng Việt, đặc biệt là các đặc điểm siêu đoạn tính như thanh điệu thì sẽ khó phân biệt nghĩa dù có vốn từ vựng tốt.

2.3. Đặc điểm người học ngôn ngữ di sản

Người học ngôn ngữ di sản (heritage language learners) thường được định nghĩa là những người lớn lên trong môi trường gia đình có sử dụng một ngôn ngữ khác với ngôn ngữ chiếm ưu thế của xã hội, do đó năng lực của hai ngôn ngữ này không đồng đều: khả năng nghe-nói thường mạnh hơn khả năng đọc-viết và kiến thức ngữ pháp chính thức. Các nghiên cứu tổng hợp trong lĩnh vực chỉ ra rằng người học di sản khác biệt rõ rệt với người học L2 (ngôn ngữ thứ hai) truyền thống ở chỗ họ thường có “vốn ngôn ngữ” giao tiếp ban đầu (ngữ âm, từ vựng cơ bản và cách sử dụng từ vựng cơ bản) nhưng thiếu đào tạo cơ bản về chữ viết và một số cấu trúc ngữ pháp mang tính văn bản cao [16, tr.12-14] ; [6, tr.133-135].

Đối với người học ngôn ngữ di sản ở Hoa Kỳ khi học tiếng Việt thì thường có **ưu thế nghe-nói ban đầu** (do tiếp xúc gia đình), nhưng cũng thường gặp **khó khăn ở hai mặt chính**: (a) **nhận diện thanh điệu và vần** trong ngữ cảnh nhanh hoặc biến thể phương ngữ; (b) **vốn chữ viết và chính tả** (literacy) thường kém so với năng lực nói. Một đặc điểm khác của người học ngôn ngữ di sản tại Mỹ là tiếp xúc chủ yếu với phương ngữ gia đình (ví dụ phương ngữ miền Nam hoặc miền Trung trong nhiều cộng đồng Mỹ gốc Việt), trong khi tài liệu giảng dạy đại chúng hoặc “chuẩn” học thuật thường dựa trên âm chuẩn miền Bắc. Sự khác biệt này dẫn tới xung đột nhận thức (perception/production mismatch) khi dạy phát âm và nghe: người học có thể nhận biết tốt kiểu phát âm gia đình nhưng khó tiếp nhận hoặc tái tạo “phiên bản chuẩn” nếu không có hướng dẫn có hệ thống. Chính vì vậy nhu cầu thiết kế tài liệu phát âm- nghe hiểu bao gồm cả phương ngữ Nam vô cùng cấp thiết.

Nhiều người học ngôn ngữ di sản có động lực khác so với người học L2 (ngôn ngữ thứ hai): mục tiêu thường thiên về **kết nối gia đình, văn hoá, bản sắc** hơn là mục tiêu học thuật hay nghề nghiệp. Điều này ảnh hưởng tới cách họ phản hồi với nội dung chương trình — họ cần các hoạt động có tính giao tiếp thực tiễn, có thể dùng ngay với gia đình, cộng đồng, hoặc trong các dịp văn hoá (lễ hội, tụ họp gia đình). Đối với việc thiết kế chương trình, yếu tố động lực này nghĩa là: bài học cần gắn liền ngữ cảnh giao tiếp gia đình, văn hoá, và có tính ứng dụng cao để duy trì cam kết của học viên.

Chính vì những yếu tố trên mà chương trình Việt ngữ tại Đại học Columbia đã thiết kế tài liệu giảng dạy giải quyết những vấn đề trong các lớp hỗn hợp từ năm thứ nhất đến năm thứ tư.

3. Thiết kế chương trình và nội dung giảng dạy

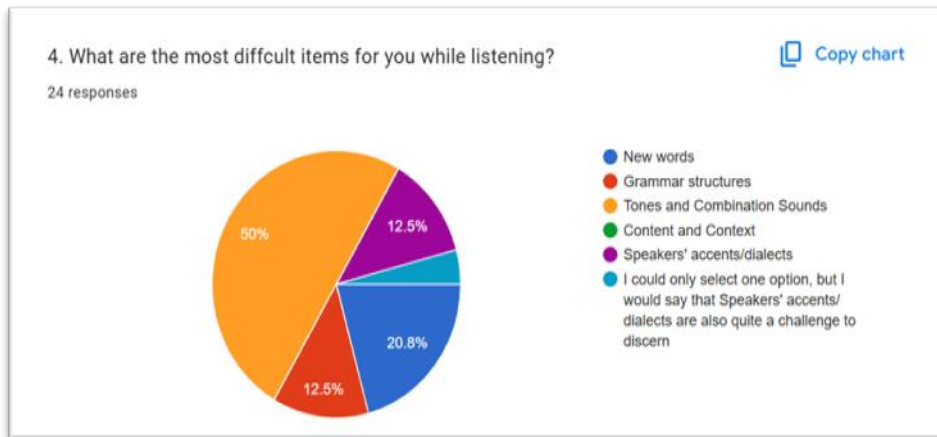
Chương trình dạy nghe hiểu tiếng Việt tích hợp phát âm theo ngữ cảnh tại Đại học Columbia được xây dựng từ năm 2019 với mục tiêu hỗ trợ người học tiếng Việt sơ cấp - phần lớn là sinh viên Mỹ gốc Việt và sinh viên chuyên ngành Đông Á học - làm quen với âm thanh tiếng Việt, đồng thời phát triển kỹ năng nghe có chiến lược ngay từ đầu khóa học. Thiết kế chương trình được định hướng bởi ba nguyên tắc: (1) *tích hợp kỹ năng phát âm vào giảng dạy nghe*, (2) *áp dụng chiến lược nghe có hướng dẫn*, và (3) *sử dụng ngữ liệu thực tế, mang tính giao tiếp*.

3.1. Cấu trúc chương trình và tài liệu giảng dạy

Chương trình được triển khai trong hai học kỳ của năm thứ nhất (Việt 101&102). Mỗi học kỳ kéo dài 16 tuần và 4 buổi mỗi tuần (65 phút/buổi) trên lớp; thời gian tự học và gặp trợ giảng là 10-12 tiếng mỗi tuần. Giáo trình gồm có 20 bài được biên soạn dựa trên sự kết hợp giữa phương pháp giảng dạy nội dung (content-based learning) và phương pháp giảng dạy thông qua các nhiệm vụ nhỏ (task-based learning). Điểm đặc biệt trong giáo trình này chính là phần phát âm và nhấn mạnh kỹ năng nghe trong mỗi bài học. Phần audio của giáo trình được Language Resource Center (LRC) tại đại học Columbia tài trợ và giáo viên cũng thiết kế quizlet để sinh viên luyện tập từ vựng và phát âm. Quá trình thiết kế tài liệu được triển khai qua ba giai đoạn chính:

a. Phân tích nhu cầu và đặc điểm người học

Kết quả khảo sát cho thấy đa số sinh viên năm thứ nhất (36) gặp khó khăn trong việc phân biệt các thanh điệu và một số vần đặc trưng của tiếng Việt như *ai/ay*, *au/ao*, hoặc các âm cuối *-ng*, *-c*, *-p*, *-m* khi kết hợp với các âm tròn môi *o*, *ô*, *u*. Đặc biệt, sinh viên gốc Việt nói phương ngữ Nam hoặc Trung thường không phân biệt rõ thanh hỏi và thanh ngã. Việc phân tích này được thực hiện qua bảng hỏi trực tuyến và phỏng vấn khi làm bài kiểm tra đầu vào.



Biểu đồ 1. Phiếu khảo sát về khó khăn khi học nghe của sinh viên

b. Xây dựng nội dung bài học và dạng bài tập

Theo Tergujeff, Elina [17, tr.189-205] phát âm nên được dạy kết hợp với các bài học chứ không nên dạy phát âm một cách độc lập vì điều đó dẫn đến sự nhầm lẫn và không hiệu quả trong lớp học. Tác giả đã đưa 8 loại hình bài tập nghe kết hợp trong mỗi bài học và tác giả đã sử dụng 6 kiểu bài tập trong giáo trình tiếng Việt năm thứ nhất là:

- Giới thiệu hệ thống ngữ âm như bảng chữ cái, hệ thống vần và thanh điệu
- Nghe và quyết định âm giống nhau hay khác nhau
- Viết chính tả
- Nghe và điền dấu thích hợp
- Các bài tập về nghe hiểu

Mỗi bài học trong giáo trình được cấu trúc thành ba phần tương ứng với tiến trình nghe của Vandergrift & Goh [21, tr.55-78]:

- **Trước khi nghe:** giới thiệu từ vựng, ngữ cảnh, và mục tiêu nghe; kết hợp bài tập nhận diện âm và thanh điệu.
- **Trong khi nghe:** áp dụng chiến lược *bottom-up* (nhận diện âm, từ) và *top-down* (dự đoán nghĩa từ ngữ cảnh). Các loại bài tập nghe cho phương pháp này bao gồm: nghe và nhận diện cặp từ giống nhau hay khác nhau; nghe và nối từ phù hợp với tranh hoặc nghe và điền từ thiếu vào đoạn hội thoại ngắn.
- **Sau khi nghe:** tóm tắt, trả lời câu hỏi mở, luyện nói lại dựa trên nội dung vừa nghe.

2. Types of listening exercises
Adapted from Teresajeff (2010)

1. Phonetic introduction

2. Listen and Repeat

3. Dictation

4. Same or Different

5. Mark the tones

6. Listening Comprehension

COLUMBIA UNIVERSITY Language Resource Center

2. Types of pronunciation exercises (cont'd)

Exercise 1. Listen and repeat:

học	tốt	khỏe
ông	oáp	muốt
giác nhảm	đặng dặc	đương ki:
chàng chàng	cốc trắng	suất hợp
con hằm	oai sằm	con tít

Exercise 2. Listen and decide if it's the same (G) or different (K) and write down the words you hear:

	G	K
1		
2		
3		
4		
5		

Exercise 3. Listen and mark the tones:

1. Chỉ bị mất 1 tí thôi.	5. Đây là thức ăn ngon.
2. Bà ấy thì bị gọi thì bị tên là cái đó.	6. Ông ấy là người nước nào?
3. Bà ấy nói rằng bạn ấy là một người.	7. Ông ấy là người ở đâu?
4. Bà ấy nói rằng bạn ấy là một người.	8. Chúng tôi là người Lào.

Exercise 4. Listen 5 people introduce themselves and fill the missing information in the table:

	Tên	Quốc tịch	Tuổi
1			
2			
3			
4			
5			

COLUMBIA UNIVERSITY Language Resource Center

Biểu đồ 2. Các kiểu bài tập luyện phát âm và nghe hiểu

Ba kỹ thuật trên đã được kết hợp trong việc giảng dạy kỹ năng nghe từ trình độ sơ cấp đến cao cấp. Đối với trình độ sơ cấp, hai kỹ thuật nghe từ dưới lên và nghe từ trên xuống được áp dụng tối đa để giúp sinh viên nhận diện cấp độ từ ngữ rồi đến cấu trúc ngữ pháp đơn giản cuối cùng là nghĩa hay thông điệp của bài nghe. Đối với trình độ trung cấp và cao cấp thì áp dụng kỹ thuật nghe siêu nhận thức giúp sinh viên nghe một cách chủ động hơn với 5 bước áp dụng trong kỹ thuật này. Năm bước của kỹ thuật này cũng có thể tương đương với các bước trước khi nghe, trong khi nghe (2 hoặc 3 lần) và sau khi nghe giúp sinh viên xác định được chủ đề của bài nghe, tự lập kế hoạch trước khi nghe cần phải tìm kiếm thông tin gì sau đó tự điều chỉnh hay giám sát những thông tin mà mình đang cần tìm kiếm và bước cuối cùng là tự đánh giá được kết quả của quá trình nghe và nắm bắt thông tin. Để có thể hiểu rõ hơn về quy trình một bài dạy nghe kết hợp với nội dung của bài học thì Goh và Vandergrift [12] có đưa ra một bài mẫu cho quy trình này.

4. Kết quả và Thảo luận

Kết quả thu được từ quá trình áp dụng mô hình dạy nghe hiểu tích hợp phát âm tại Chương trình Tiếng Việt - Đại học Columbia (2019-2023) cho thấy những chuyển biến rõ rệt về năng lực nhận diện âm thanh, phân biệt thanh điệu và khả năng nghe hiểu của sinh viên.

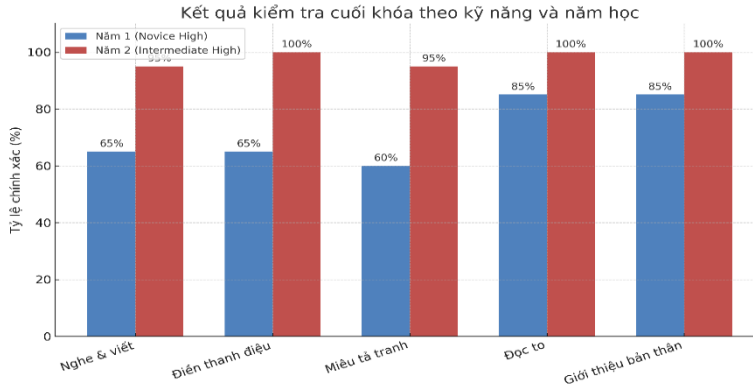
4.1. Kết quả đánh giá định lượng

Bài kiểm tra cuối khóa được tiến hành với 25 sinh viên năm thứ nhất (Novice High) và 10 sinh viên năm thứ hai (Intermediate High). Nội dung bài kiểm tra bao gồm năm phần: (1) nghe và viết chính

tả; (2) điền thanh điệu; (3) miêu tả tranh; (4) đọc to đoạn văn; (5) giới thiệu bản thân được thiết kế trên ứng dụng Lingt cho các năm học 2019/2020; 2021/2022; 2022/2023/2024 và 2024/2025.

Sinh viên năm thứ hai (10) đạt độ chính xác 100% ở các phần điền thanh điệu, đọc trôi chảy và giới thiệu bản thân (phần 2, 4, 5). Ở phần nghe viết và miêu tả tranh (phần 1, 3), kết quả đạt trung bình 95%.

Sinh viên năm thứ nhất (25) đạt trung bình 85% ở phần đọc to và giới thiệu bản thân (phần 4, 5). Tuy nhiên, ở các kỹ năng yêu cầu phân biệt âm và thanh điệu (phần 1, 2, 3), kết quả dao động 60-70%.



Biểu đồ 3. So sánh kết quả đánh giá năm thứ nhất và năm thứ hai

Kết quả định tính qua khảo sát và phỏng vấn

Bên cạnh việc đánh giá định kỳ thi tác giả cũng khảo sát về việc sử dụng phần ghi âm cho luyện tập kỹ năng nghe và tính hiệu quả của các loại hình bài tập phát âm- nghe hiểu trong giáo trình dành cho năm thứ nhất. Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên ở các học phần **Elementary Vietnamese 101 & 102** sử dụng bản ghi âm chủ yếu để hoàn thành bài tập trong sách, luyện phát âm, và cải thiện khả năng nhận diện âm - thanh điệu. Phương pháp tự học thường gặp bao gồm:

- *Nghe - viết chính tả và luyện phát âm*: Nghe nhiều lần (5-6 lần), giảm tốc độ khi cần, ghi lại từ nghe được, đoán từ chưa biết và tra cứu sau; bắt chước cách đọc của người bản ngữ để điều chỉnh phát âm cá nhân.

- *Kết hợp với văn bản*: Đọc hội thoại hoặc bài đọc song song với nghe; dùng bản ghi âm để kết nối giữa âm thanh và chữ viết.

- *Điều chỉnh tốc độ và tua lại*: Tạm dừng hoặc tua ngược để xử lý các đoạn khó.

- *Tự kiểm tra và cải thiện*: So sánh kết quả nghe - viết với văn bản gốc, sử dụng các công cụ như Google Translate để xác minh từ.

Một số sinh viên đánh giá bản ghi âm “rất hữu ích” trong việc luyện kỹ năng nghe - phát âm và tăng khả năng phân biệt các tổ hợp âm, đặc biệt giữa thanh hỏi/ngã và các nguyên âm khó. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng việc tìm kiếm đoạn cần nghe trong các file dài còn khó khăn, và mong muốn nhiều hơn các bản ghi âm bài đọc hoặc đọc kèm audio cho sách năm thứ hai. Góp ý cải thiện từ sinh viên tập trung vào các hướng sau:

1) Tăng cường luyện phân biệt âm gần giống (ví dụ: “ơ”/“ô”, “s”/“x”) nhằm nâng cao nhận thức âm vị (phonemic awareness).

2) Tổ chức nhiều hơn các bài tập nghe - viết chính tả trên lớp để luyện đánh vần và tăng khả năng nghe hiểu.

3) Tăng hoạt động đọc to để cải thiện phát âm và ngữ điệu.

4) Duy trì và mở rộng hoạt động tương tác như brainstorming nhóm và các trò chơi học tập trực tuyến.

Nhìn chung, phản hồi của sinh viên cho thấy mô hình dạy - học hiện tại đã hỗ trợ đáng kể cho việc rèn luyện kỹ năng nghe hiểu và phát âm, nhưng vẫn có tiềm năng cải thiện về tính tập trung vào âm khó, số lượng và chất lượng bản ghi âm, và sự gắn kết giữa nội dung văn hóa và bối cảnh học tập đa dạng của người học.

4.2. Thảo luận

Kết quả cho thấy việc áp dụng mô hình tích hợp phát âm - nghe hiểu theo ngữ cảnh, với sự kết hợp ba chiến lược *bottom-up*, *top-down* và *metacognitive*, đã mang lại hiệu quả rõ rệt cho người học tiếng Việt như một ngoại ngữ. Sự cải thiện đáng kể ở năm thứ hai chứng tỏ tầm quan trọng của việc duy trì và phát triển kỹ năng này qua nhiều học kỳ, thay vì chỉ tập trung vào giai đoạn đầu.

Mô hình này cũng minh chứng rằng nguồn tài nguyên bổ sung ngoài lớp (audio, bài tập trực tuyến) đóng vai trò quan trọng trong việc thu hẹp khoảng cách giữa học trên lớp và tự học. Điều này phù hợp với nhận định của Hinkel [13, tr.109-115] về tính cần thiết của việc lồng ghép luyện phát âm trong bối cảnh giao tiếp thực tế, cũng như quan điểm của Vandergrift & Goh [tr.55-78] về vai trò chiến lược nghe siêu nhận thức.

5. Kết luận và khuyến nghị

Nghiên cứu này đã chứng minh rằng việc tích hợp dạy phát âm theo ngữ cảnh với luyện nghe hiểu trong giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ mang lại những tác động tích cực rõ rệt, đặc biệt đối với người học trình độ sơ cấp và nhóm sinh viên gốc Việt tại Hoa Kỳ. Mô hình triển khai tại Chương trình Tiếng Việt - Đại học Columbia từ năm 2019 đến 2025 cho thấy:

- **Về hiệu quả học tập:** Sinh viên cải thiện rõ khả năng nhận diện âm thanh, phân biệt thanh điệu, và nâng cao độ chính xác khi nghe - nói. Kết quả đánh giá cho thấy sự chênh lệch đáng kể giữa sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai, minh chứng cho tác động tích lũy của phương pháp khi được duy trì lâu dài.

- **Về phương pháp giảng dạy:** Mô hình kết hợp ba chiến lược nghe (*bottom-up*, *top-down*, *metacognitive*) trong một tiến trình dạy học khép kín (trước - trong - sau khi nghe) giúp tối ưu hóa khả năng tiếp nhận ngôn ngữ của người học.

- **Về tài nguyên học tập:** Hệ thống bài tập và audio bổ trợ ngoài lớp đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố kỹ năng và khuyến khích tự học, đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của sinh viên.

Khuyến nghị:

- Mở rộng áp dụng mô hình tích hợp phát âm - nghe hiểu cho các chương trình tiếng Việt khác tại Hoa Kỳ và quốc tế, đặc biệt ở bậc sơ - trung cấp.

- Phát triển kho dữ liệu audio song song hai giọng Bắc và Nam, đồng thời bổ sung bài nghe phản ánh các tình huống giao tiếp thực tế và phương ngữ vùng miền.

- Đẩy mạnh việc đào tạo giáo viên về chiến lược nghe siêu nhận thức và cách tích hợp phát âm trong bài nghe để tối ưu hiệu quả giảng dạy.

- Thực hiện các nghiên cứu tiếp theo để đánh giá tác động lâu dài của phương pháp này đối với kỹ năng nghe hiểu, nói và tương tác giao tiếp của người học tiếng Việt.

Kết quả của dự án mang lại những góc nhìn mới về một cách tiếp cận toàn diện trong giáo dục ngôn ngữ, thu hẹp khoảng cách giữa giảng dạy trên lớp và tự học. Mục tiêu của nghiên cứu là nâng cao cả năng lực nghe hiểu lẫn phương pháp giảng dạy phát âm tiếng Việt trong khuôn khổ chương trình giảng dạy tiếng Việt hiện đại, đáp ứng nhu cầu ngày càng thay đổi của người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Tài Căn. *Ngữ âm tiếng Việt*. NXB Giáo dục Việt Nam. 1999.
2. Đoàn Thiện Thuật. *Ngữ âm tiếng Việt*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. 1997.

Tiếng Anh

3. Nguyễn, Đ. H. & Edmondson, J. A.. *Tones and voice quality in modern northern Vietnamese: Instrumental case studies*. Mon-Khmer Studies, 28, 1-18. 1998.
4. Anderson, A. *Listening comprehension in second language acquisition*. Cambridge University Press. 1995.
5. Brunelle, M. *Tone perception in Northern and Southern Vietnamese*. Journal of Phonetics, 37(1), 79-96. 2009.
6. Benmamoun, E., Montrul, S. & Polinsky, M. *Heritage languages and their speakers: opportunities and challenges for linguistics*. Theoretical Linguistics. 2013.
7. Celce-Murcia, M., Brinton, D. M., & Goodwin, J. M. *Teaching pronunciation: A course book and reference guide (2nd ed.)*. Cambridge University Press. 2010.
8. Cutler, A., Dahan, D., & Van Donselaar, W. *Prosody in the comprehension of spoken language*. Nature Reviews Neuroscience, 5(2), 109-121. 2004.
9. Field, J. *Listening in the Language Classroom*. Cambridge University Press. 2008.
10. Flavell, J. H. *Metacognitive aspects of problem solving*. In L. B. Resnick (Ed.), *The Nature of Intelligence* (pp. 231-235). Erlbaum. 1976.
11. Goh, C. C. M. *Metacognitive instruction for second language listening development: Theory, practice and research implications*. RELC Journal, 39(2), 188-213. 2008.
12. Goh, C. C., & Vandergrift, L. *Reflective and effective teaching of listening*. In M. Zeraatpishe et al. (Eds.), *Issues in Applying SLA Theories toward Reflective and Effective Teaching* (Vol. 7, pp. 179-197). Brill. 2018.
13. Hinkel, E. *Current perspectives on teaching the four skills*. TESOL Quarterly, 40(1), 109-131. 2006.
14. Kirby, J. *Vietnamese (Hanoi Vietnamese)*. Journal of the International Phonetic Association, 41(3), 381-392. 2011.
15. Pham, A. *Vietnamese tone: A new analysis*. Journal of Southeast Asian Linguistics, 3, 1-25. 2006.
16. Polinsky, M. *Heritage Languages and Their Speakers*. Cambridge University Press, 2018.
17. Tergujeff, Elina. *Pronunciation teaching materials in Finnish EFL textbooks*. In A. Henderson (ed.), *English Pronunciation: Issues and Practices (EPIP): Proceedings of the First International Conference, June 3-5. 2009*. Université de Savoie, Chambéry, France. 2010.
18. Thompson, S. A. *Vietnamese*. In M. Ball & J. Fife (Eds.), *The Celtic Languages*. Routledge. 2003.
19. Vandergrift, L. *From prediction through reflection: Guiding students to become strategic listeners*. Canadian Modern Language Review, 59(4), 425-440. 2003.
20. Vandergrift, L. *Listening to learn or learning to listen?* Annual Review of Applied Linguistics, 24, 3-25. 2004.
21. Vandergrift, L., & Goh, C. *Teaching and Learning Second Language Listening: Metacognition in Action*. Routledge. 2012.